

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 100/2021/DS-GĐT

Ngày 30-11-2021

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Các thành viên: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đức Nh, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 51 Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Đức M, sinh năm 1968; cư trú tại: số A, ngõ B đường S, phường Đ quận N, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đỗ Thị A1, sinh năm 1950; cư trú tại: Thôn 3, xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng.

3.2. Bà Đỗ Thị A2, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 14 C đường Qu, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng.

3.3. Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1959; cư trú tại: Số 135 Ph, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Ông Đỗ Đức T, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 58/40 đường Qu, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị A2, bà Đỗ Thị Y, ông Đỗ Đức T là ông Đỗ Đức Nh.

3.5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 24B/2 đường L, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng.

3.6. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1969; cư trú tại: số 20, ngõ S phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

3.7. Chi nhánh VL Hải Phòng; địa chỉ: Đường L, phường Th, quận H, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Đức Nh, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị A2, bà Đỗ Thị Y, ông Đỗ Đức T trình bày:

Bố mẹ của ông là cụ Đỗ Đức Th (đã chết năm 1995) và cụ Đoàn Thị T (đã chết năm 2011) sinh được có 08 người con chung gồm: Bà Đỗ Thị A1, bà Đỗ Thị A2, ông Đỗ Đức Nh, bà Đỗ Thị Y, bà Đỗ Thị Y1 (đã chết và không có chồng, con), ông Đỗ Đức L (đã chết và không có vợ, con), ông Đỗ Đức M, ông Đỗ Đức T. Ngoài ra, Cụ Th còn có 01 người con riêng là bà Lê Thị N.

Khi còn sống, vợ chồng cụ Th, cụ T tạo lập được diện tích 753m² đất (do thực tế là 747m²) thửa số 666, tờ bản đồ số 02 tại thôn 6 H, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 mang tên cụ Đoàn Thị T.

Năm 2000, ông M đã xây dựng 01 ngôi nhà và công trình phụ trên một phần diện tích đất. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông M đã cải tạo san lấp, kê bờ ao, trồng cây trên đất. Kể từ khi cụ Th chết, vợ chồng ông M sinh sống trên Hà Nội, thỉnh thoảng mới về.

Năm 2008, cụ T đã ký hợp đồng cho Chi nhánh VL Hải Phòng thuê mặt bằng để đặt trạm BTS trên một phần diện tích đất, thời hạn 05 năm. Năm 2011, sau khi cụ T chết, anh em ông đã họp thống nhất để vợ chồng ông M nhận tiền cho thuê đất đến hết hợp đồng đầu tiên vào năm 2013. Tại Biên bản họp gia đình ngày 01/4/2011, anh em ông có thỏa thuận: Từ năm 2013 trở đi, việc ký tiếp hợp đồng với Chi nhánh VL Hải Phòng phải được bàn bạc thống nhất giữa các anh em; số tiền cho thuê đất được sử dụng cho việc hiếu chung của gia đình; ông Nh là người có trách nhiệm quản lý chung toàn bộ diện tích đất của cụ Th, cụ T để lại. Tuy nhiên, sau đó ông M không cho anh em vào nhà để cúng tổ tiên, ông M tự ý ký gia hạn hợp đồng với Chi nhánh VL Hải Phòng 03 lần mà không

bàn bạc với các anh em trong gia đình. Tổng số tiền mà ông M đã nhận từ Chi nhánh VL Hải Phòng tạm tính đến tháng 3/2017 là 124.800.000 đồng; số tiền Chi nhánh VL Hải Phòng còn phải thanh toán từ tháng 3/2017 đến tháng 3/2018 là 32.400.000 đồng. Tổng cộng là 157.200.000 đồng.

Cụ Th chết, không để lại di chúc; cụ T chết, để lại 01 di chúc với nội dung tố cáo ông M có hành vi hành hạ thể xác, ngược đãi, lăng mạ, xúc phạm danh dự và nhân phẩm cụ; cụ tuyên bố từ bỏ, không coi ông M là con; cụ giao đất lại cho 02 người con trai là ông Nh và ông T.

Vì vậy, ông Nh khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Th, cụ T để lại là diện tích 747m² đất nêu trên theo hiện vật và số tiền 157.200.000 đồng cho Chi nhánh VL Hải Phòng thuê đất. Đối với các tài sản do vợ chồng ông M, bà Đoàn Thị M tạo lập trên đất, ông thanh toán thay cho bà A1, bà A2, bà Y, ông T theo giá trị của Hội đồng định giá.

Bị đơn là ông Đỗ Đức M trình bày: Ông thống nhất với ông Nh về quan hệ huyết thống và diện tích 747m² đất, thửa số 666, tờ bản đồ số 02 tại thôn 06 H, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Th, cụ T để lại.

Năm 1997, ông lấy vợ, sau đó về sinh sống cùng cụ T và chị gái trên nhà đất của cụ Th và cụ T. Vợ chồng ông đã đầu tư xây dựng, cải tạo lại toàn bộ nhà cửa đất đai ruộng vườn như: Xây kè bờ ao, xây tường bao xung quanh, san lấp mặt bằng, lấp ao, trồng cây xanh trong vườn. Năm 2000, vợ chồng ông xây nhà mới ngôi nhà gỗ lim 04 gian và công trình phụ. Năm 2008, ông ký hợp đồng với Chi nhánh VL Hải Phòng đặt trạm BTS, có sự đồng ý của cụ T. Sau khi cụ T chết, vợ chồng ông đại diện cho gia đình là chủ hợp đồng và trực tiếp quản lý đất đai, hương hỏa của gia đình nên đương nhiên vợ chồng ông được nhận tiền cho thuê đất.

Đối với Biên bản họp gia đình ngày 01/4/2011 là do ông Nh đã ép họp gia đình, lập biên bản, trong đó có nội dung “Giao cho ông M thu tiền Hợp đồng VL đến hết năm 2013, sau đó giao cho 03 ông là ông Nh, ông M, ông T sẽ bàn bạc thống nhất việc có ký tiếp hay không” là cưỡng ép, không hoàn toàn tự nguyện và không đúng ý chí của các thành viên; nội dung biên bản trái pháp luật, lập biên bản không đúng trình tự và sai nguyên tắc.

Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị A1 trình bày: Bà thống nhất với trình bày ông M. Do tính gia trưởng, đố kỵ, hẹp hòi của ông Nh nên anh chị em mới bất hòa và đòi chia di sản thừa kế. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án hòa giải để ông Nh rút đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày: Bà là con riêng của cụ Đỗ Đức Th, bà từ chối nhận di sản thừa kế.

Đại diện Chi nhánh VL Hải Phòng trình bày: Chi nhánh VL Hải Phòng ký hợp đồng đặt trạm BTS với gia đình cụ Đoàn Thị T do ông M đại diện; Chi nhánh VL Hải Phòng đã thanh toán cho ông M từ tháng 3/2013 đến tháng 3/2017 với số tiền là 124.800.000 đồng; còn lại từ tháng 3/2017 đến tháng 3/2018 chưa thanh toán số tiền 32.400.000 đồng; từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2019 do hết hạn hợp đồng nên cũng chưa thanh toán.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 04/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đức Nh về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Đức Th và cụ Đoàn Thị T là 474m² đất tại thửa số 666, tờ bản đồ số 02, số trích đo 877, tại thôn 6 H, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng và số tiền cho Chi nhánh VL Hải Phòng thuê đặt trạm BTS là 157.200.000 đồng cho các đồng thừa kế là ông Đỗ Đức M, ông Đỗ Đức Nh, ông Đỗ Đức T, bà Đỗ Thị Y, bà Đỗ Thị A2, bà Đỗ Thị A1 theo quy định của pháp luật, cụ thể:

1.1. Phần đất làm lối chung có chiều ngang rộng 2,4m với tổng diện tích là 82m² (kí hiệu Ô7 có sơ đồ kèm theo). Phía Bắc giáp đất ông Nh được chia; phía Đông giáp nhà bà N; phía Tây giáp đất ông T, bà Y, bà A2, bà A1 được chia; phía Bắc giáp nhà bà N, phía NA1 giáp đất bà A1 được chia, phía Đông giáp đường xóm.

1.2. Giao cho ông Đỗ Đức M được quyền sử dụng diện tích 159m² đất ở (kí hiệu Ô1 có sơ đồ kèm theo) trị giá 79.500.000 đồng, có giới cận: Phía Đông giáp nhà bà N, phía Tây giáp ngõ xóm, phía Nam giáp phần đất ông Nh được chia, phía Bắc giáp nhà ông Th và sở hữu 26.200.000 đồng tiền cho thuê đặt trạm BTS của VL.

1.3. Giao cho ông Đỗ Đức Nh được quyền sử dụng diện tích 41m² đất ở và 58m² đất vườn (kí hiệu Ô2 có sơ đồ kèm theo) trị giá 24.328.000 đồng, có giới cận: Phía Đông giáp nhà bà N; phía Tây giáp ngõ xóm; phía NA1 giáp phần đất ông T được chia; phía Bắc giáp phần đất ông M được chia và sở hữu 26.200.000 đồng tiền cho thuê đặt trạm BTS của VL.

1.4. Giao cho ông Đỗ Đức T được quyền sử dụng diện tích 39m² đất vườn và 47m² đất ao (kí hiệu Ô3 có sơ đồ kèm theo) trị giá 4.830.000 đồng, có giới cận: Phía Đông giáp nhà bà N; phía Tây giáp ngõ xóm; phía NA1 giáp phần đất bà Y được chia; phía Bắc giáp phần đất ông Nh được chia và sở hữu 26.200.000 đồng tiền cho thuê đặt trạm BTS của VL.

1.5. Giao cho bà Đỗ Thị Y được quyền sử dụng diện tích 88m² đất ao, (kí

hiệu Ô4 có sơ đồ kèm theo) trị giá 5.800.000 đồng, có giới cận: Phía Đông giáp nhà bà N; phía Tây giáp ngõ xóm (giáp nhà ông Kh); phía Nam giáp phần đất bà A2 được chia; phía Bắc giáp phần đất ông T được chia và sở hữu 26.200.000 đồng tiền cho thuê đặt trạm BTS của VL.

1.6. Giao cho bà Đỗ Thị A2 được quyền sử dụng diện tích 79m² đất ao và 09m² đất vườn (kí hiệu Ô5 có sơ đồ kèm theo) trị giá 4.396.000 đồng, có giới cận: Phía Đông giáp nhà bà N; phía Tây giáp ngõ xóm; phía Nam giáp phần đất bà A1 được chia; phía Bắc giáp phần đất bà Y được chia và sở hữu 26.200.000 đồng tiền cho thuê đặt trạm BTS của VL.

1.7. Giao cho bà Đỗ Thị A1 được quyền sử dụng diện tích 145m² đất vườn (kí hiệu Ô6 có sơ đồ kèm theo) trị giá 9.570.000 đồng, có giới cận: Phía Đông giáp đường xóm và lối đi chung; phía Tây giáp ngõ xóm (giáp nhà ông Kh); phía Bắc giáp phần đất bà A2 được chia; phía Nam giáp nhà ông Kh, ông X và sở hữu 26.200.000 đồng tiền cho thuê đặt trạm BTS của VL.

2. Ông Đỗ Đức M phải thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác đối với giá trị chênh lệch phân di sản là quyền sử dụng đất và phần tiền cho thuê đặt trạm BTS đã nhận của Chi nhánh VL Hải Phòng thanh toán, cụ thể như sau: Thanh toán cho bà Đỗ Thị A1 tổng số tiền là 11.139.000 đồng + 26.200.000 đồng = 37.339.000 đồng; thanh toán cho bà Đỗ Thị A2 là 16.754.000 đồng + 18.100.000 đồng = 34.854.000 đồng; thanh toán cho bà Đỗ Thị Y là 16.916.000 + 18.100.000 đồng = 35.016.000 đồng; thanh toán cho ông Đỗ Đức T là 13.551.000 đồng + 18.100.000 đồng = 31.651.000 đồng.

3. Ông Đỗ Đức Nh phải thanh toán cho vợ chồng ông Đỗ Đức M, bà Đoàn Thị M tiền tài sản và vật kiến trúc trên đất là 94.470.000 đồng - 18.100.000 đồng (từ tiền cho thuê đặt trạm BTS mà ông M phải hoàn trả cho ông Nh) = 76.370.000 đồng; thanh toán cho ông Đỗ Đức T giá trị chênh lệch tiền đất là 2.759.000 đồng.

4. Chi nhánh VL Hải Phòng phải thanh toán cho bà Đỗ Thị A2, bà Đỗ Thị Y, ông Đỗ Đức T, ông Đỗ Đức Nh số tiền thuê đất đặt trạm BTS từ tháng 3/2017 đến tháng 3/2018 mỗi người là 8.100.000 đồng.

Trường hợp các bên đương sự không tiếp tục ký kết hợp đồng thuê đặt trạm BTS của VL nữa thì Chi nhánh VL Hải Phòng phải tháo dỡ toàn bộ trạm BTS để bản giao mặt bằng cho các đồng thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, chi phí tố tụng và trách nhiệm do chậm thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Đức M, bà Đoàn Thị M, bà Đỗ Thị A1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết phúc thẩm, ông Đỗ Đức M xuất trình bản sao công chứng Di chúc ngày 18/4/2002 ghi tên người để lại di chúc là cụ Đoàn Thị T có nội dung: Cụ T để lại toàn bộ diện tích đất của cụ Th, cụ T cho ông M. Di chúc có xác nhận của ông Phạm Đức C- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2019/DS-PT ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Đức M và bà Đoàn Thị M.
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị A1.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đức Nh về việc chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Đức Th và cụ Đoàn Thị T là 747m² đất tại thửa số 666, số trích đo 877, tờ bản đồ số 02, tại thôn 6 H, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng và số tiền cho Chi nhánh VL Hải Phòng thuê đặt trạm BTS là 157.200.000 đồng.

- Ông Đỗ Đức M được nhận quyền sử dụng diện tích 159m² đất ở trị giá 79.500.000 đồng và tài sản trên đất, có mốc giới: Phía Đông giáp nhà bà N, phía Tây giáp ngõ xóm, phía Nam giáp phần đất ông Nh được chia, phía Bắc giáp nhà ông Th và số tiền 26.200.000 đồng cho thuê đặt trạm BTS của VL.

- Ông Đỗ Đức Nh được nhận quyền sử dụng diện tích 41m² đất ở và 58m² đất vườn trị giá 24.328.000 đồng, có mốc giới: Phía Đông giáp nhà bà N, phía Tây giáp ngõ xóm, phía NA1 giáp phần đất ông T được chia, phía Bắc giáp phần đất ông M được chia và số tiền 26.200.000 đồng cho thuê đặt trạm BTS của VL.

- Ông Đỗ Đức T được nhận quyền sử dụng diện tích 39m² đất vườn và 47m² đất ao trị giá 4.830.000 đồng, có mốc giới: Phía Đông giáp nhà bà N, phía Tây giáp ngõ xóm, phía Nam giáp phần đất bà Y được chia, phía Bắc giáp phần đất ông Nh được chia và số tiền 26.200.000 đồng tiền cho thuê đặt trạm BTS của VL.

- Bà Đỗ Thị Y được nhận quyền sử dụng diện tích 88m² đất ao trị giá 4.224.000 đồng, có mốc giới: Phía Đông giáp nhà bà N, phía Tây giáp ngõ xóm (giáp nhà ông Kh), phía Nam giáp phần đất bà A2 được chia, phía Bắc giáp phần đất ông T được chia và số tiền 26.200.000 đồng cho thuê đặt trạm BTS của VL.

- Bà Đỗ Thị A2 được nhận quyền sử dụng diện tích 79m² đất ao và 09m² đất vườn trị giá 4.386.000 đồng, có mốc giới: Phía Đông giáp nhà bà N, phía Tây giáp ngõ xóm, phía Nam giáp phần đất bà A1 được chia, phía Bắc giáp phần đất bà Y được chia và số tiền 26.200.000 đồng cho thuê đặt trạm BTS của VL.

- Bà Đỗ Thị A1 được nhận quyền sử dụng diện tích 145m² đất vườn trị giá 9.570.000 đồng, có mốc giới: Phía Đông giáp đường xóm và lối đi chung, phía Tây giáp ngõ xóm (giáp nhà ông Kh), phía Bắc giáp phần đất bà A2 được chia, phía Nam giáp nhà ông Kh, ông X và số tiền 26.200.000 đồng cho thuê đặt trạm BTS của VL.

2. Ông Đỗ Đức M phải thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác đối với giá trị chênh lệch phần di sản là quyền sử dụng đất và phần tiền cho thuê đặt trạm BTS đã nhận của Chi nhánh VL Hải Phòng thanh toán, cụ thể:

- Thanh toán cho bà Đỗ Thị A1 tổng số tiền là 8.549.714 đồng + 26.200.000 đồng = 34.749.714 đồng.

- Thanh toán cho bà Đỗ Thị A2 là 13.733.714 đồng + 18.100.000 đồng = 31.833.714 đồng.

- Thanh toán cho bà Đỗ Thị Y là 13.895.714 đồng + 18.100.000 đồng = 31.995.714 đồng.

- Thanh toán cho ông Đỗ Đức T là 7.081.428 đồng + 18.100.000 đồng = 25.181.428 đồng.

3. Ông Đỗ Đức Nh phải thanh toán cho vợ chồng ông Đỗ Đức M, bà Đoàn Thị M tài sản và vật kiến trúc trên đất là 94.470.000 đồng - 18.100.000 đồng (từ tiền cho thuê đặt trạm BTS mà ông M phải hoàn trả cho ông Nh) = 76.350.286 đồng và thanh toán cho ông Đỗ Đức T giá trị chênh lệch tiền đất là 6.208.286 đồng.

4. Chi nhánh VL Hải Phòng phải thanh toán cho bà Đỗ Thị A2, bà Đỗ Thị Y, ông Đỗ Đức T và ông Đỗ Đức Nh số tiền thuê đất đặt trạm BTS từ tháng 3/2017 đến tháng 3/2018, cụ thể mỗi người là 8.100.000 đồng.

5. Mở lối đi chung cho các đồng thừa kế có chiều ngang rộng 2,4m với tổng diện tích là 82m². Phía Bắc giáp đất ông Nh được chia, phía Đông giáp nhà bà N; phía Tây giáp đất ông T, bà Y, bà A2, bà A1 được chia; phía Bắc giáp nhà bà N, phía Nam giáp đất bà A1 được chia, phía Đông giáp đường xóm.

(Phần đất được chia và mở lối đi chung thể hiện trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

6. Trong trường hợp các bên đương sự không tiếp tục ký kết hợp đồng thuê đặt trạm BTS của VL nữa thì Chi nhánh VL Hải Phòng phải tháo dỡ toàn bộ trạm BTS để bàn giao mặt bằng cho các đồng thừa kế.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm chậm thi hành án và lãi suất.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Đỗ Đức M có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 24/2021/KN-DS ngày 09/6/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2019/DS-PT ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận một phần Kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội (không chấp nhận phần tính công sức cho ông M đối với số tiền cho Chi nhánh VL Hải Phòng thuê mặt bằng mà Kháng nghị nêu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng cụ Đỗ Đức Th và cụ Đoàn Thị T có 08 người con chung là bà Đỗ Thị A1, bà Đỗ Thị A2, ông Đỗ Đức Nh, bà Đỗ Thị Y, bà Đỗ Thị Y1 (đã chết, không có chồng con), ông Đỗ Đức L (đã chết, không có vợ con), ông Đỗ Đức M, ông Đỗ Đức T; ngoài ra, cụ Th còn có 01 người con riêng là bà Lê Thị N. Cụ Th chết không để lại di chúc.

Cụ Th và cụ T có khối tài sản chung là diện tích 753m² đất (đo thực tế là 747m²) thửa số 666, số trích đo 877, tờ bản đồ số 02, tại thôn 6 H, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 mang tên cụ Đoàn Thị T (sau đây viết tắt là thửa đất số 666) và tiền cho Chi nhánh VL Hải Phòng thuê đất.

[2] Ông Nh cho rằng cụ Đoàn Thị T để lại 01 bản Di chúc viết tay có nội dung cụ T giao lại đất cho ông Nh và ông T; còn ông M cũng xuất trình bản sao có công chứng Di chúc ngày 18/4/2002 ghi tên người để lại thừa kế là cụ T, có xác nhận của ông Phạm Đức C là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình.

Về Bản di chúc do ông Nh xuất trình có nội dung cụ T cho ông Nh 01 sào đất, cho ông T 09 thước đất. Tuy nhiên, Di chúc này không đề ngày tháng, năm, nội dung di chúc không rõ ràng, hình thức di chúc không đúng quy định của pháp luật.

Đối với bản sao Di chúc ngày 18/4/2002 do ông M cung cấp có nội dung cụ T để lại cho vợ chồng ông M được thừa kế thừa đất số 666, di chúc có xác nhận của ông Phạm Đức C là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H. Tuy nhiên, ông M không cung cấp được bản di chúc gốc; ông Phạm Đức Can xác nhận: phần xác

nhận ở dưới thì cá nhân ông C và Ủy ban nhân dân đều xác nhận bằng bút viết tay chứ không sử dụng bằng cách đánh máy văn bản.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định Bản di chúc do ông Nh cung cấp và Di chúc ngày 18/4/2002 do ông M xuất trình đều không hợp pháp; đồng thời trích công sức tôn tạo, bảo quản, giữ gìn di sản, chăm sóc cụ T cho vợ chồng ông M bằng một xuất thừa kế và chia di sản thừa kế theo pháp luật diện tích 747m² thửa số 666 của cụ Đỗ Đức Th, cụ Đoàn Thị T cho những người thừa kế của hai cụ là có căn cứ.

[3] Về việc mở lối đi chung: Thửa đất số 666 của cụ Th và cụ T nằm trên mặt ngõ xóm, chiều rộng ngõ xóm là 1,9m chạy dài hết thửa đất; các phần đất được chia đều tiếp giáp trực tiếp với ngõ xóm nên không cần thiết phải mở thêm lối đi chung mới. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm mở lối đi chung mới có diện tích 82m² là không cần thiết và lối đi này lại không tiếp giáp với phần đất ông M được chia là không đảm bảo quyền lợi của ông M.

[4] Về số tiền cho thuê mặt bằng: Theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 16/HĐTMB ngày 22/01/2008 và các Biên bản bổ sung ký kết giữa ông M, cụ T do ông M đại diện bên cho thuê với Chi nhánh VL Hải Phòng có nội dung ông M và cụ T cho Chi nhánh VL Hải Phòng thuê 12m² đất mặt bằng để đặt trạm viễn thông VL; ông M và cụ T có trách nhiệm phải đảm bảo an toàn khu vực trạm và các vật tư thiết bị của trạm; chịu trách nhiệm giám sát và kịp thời thông báo cho bên thuê các điều kiện không đảm bảo an toàn hoạt động của nhà trạm, thiết bị của bên thuê. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định toàn bộ số tiền 157.200.000 đồng cho thuê đặt trạm BTS là di sản của cụ T và cụ Th là chưa xem xét công sức của ông M. Trong trường hợp này phải xác định nhà đất của cụ T và cụ Th là cơ sở để cho thuê; công sức giám sát đảm bảo an toàn khu vực trạm và các vật tư thiết bị của trạm là của cụ T sinh sống hàng ngày trên đất; còn ông M có phần công sức nhất định, nên cũng cần trích một phần trong số tiền cho thuê được để đảm bảo quyền lợi cho ông M.

[5] Ngoài ra, kèm theo đơn đề nghị giám đốc thẩm, ông Đỗ Đức M có gửi bản sao có công chứng Di chúc ngày 25/8/2000 ghi tên người để lại thừa kế là cụ Đoàn Thị T. Khi giải quyết lại vụ án, nếu ông M đề nghị xem xét Di chúc này thì Tòa án cần thu thập các chứng cứ cần thiết để xem xét, đánh giá bản Di chúc có hợp pháp hay không theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 24/2021/KN-DS ngày 09/6/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2019/DS-PT ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo về vụ án “Tranh chấp thừa kế” giữa nguyên đơn ông Đỗ Đức Nh với bị đơn ông Đỗ Đức M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để b/cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- TAND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: P.HCTP-VP, Phòng GDKTIII, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Nam